

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH H**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/HNGĐ- ST
Ngày 22 tháng 01 năm 2024
V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH H

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Nhiên.

Các Hội Thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị The và Bà Nguyễn Thu Trang.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Nam Hải – Thư ký Toà án nhân dân huyện Y.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Phương Dung - Kiểm sát viên

Trong ngày 22 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Y xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 120/2023/TLST- HNGĐ ngày 26/10/2023 về việc Tranh chấp hôn nhân gia đình. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 21/12/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đặng Hồng H, sinh năm 1991; HKTT: thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh H; Nơi ở: thôn T, xã Tr, huyện Y, tỉnh H. Có mặt

Bị đơn: Anh Phan Văn T, sinh năm 1988; trú tại: thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh H. Vắng mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu Phan Văn A, sinh ngày 25/07/2012; trú tại: thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh H. Có mặt

Người làm chứng:

- Ông Phan Văn Đ, sinh năm 1966; trú tại: thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh H. Vắng mặt

- Bà Đặng Thị H1, sinh năm 1966, trú tại: thôn T, xã Tr, huyện Y, tỉnh H. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Đặng Hồng H kết hôn với anh Phan Văn T tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y vào ngày 06/4/2011. Kết hôn xong chị H về chung sống với anh Th tại nhà anh Th, sống chung cùng bố mẹ chồng, tuy nhiên quá trình chung sống thường nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị H xác định anh Th yếu không lao động được nên không có thu nhập, tất cả mọi việc trong gia đình đều do chị lo liệu, không những thế bố chồng còn bắt chị phải đóng góp tiền sinh hoạt dẫn chị phải chịu áp lực nhiều và vợ chồng thường cãi chửi nhau đến tháng 5/2023 không chịu đựng được chị đã phải bỏ về nhà mẹ đẻ sống. Theo anh Th nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hòa hợp, khó khăn về kinh tế do anh không có khả năng lao động, chị H có thái độ không đúng mực với bố chồng và đến tháng 5/2023 chị H đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở Trung Hòa sống cũng từ đấy anh và chị H sống ly thân không ai quan tâm đến ai, cuộc sống ai biết người đó. Nay chị H xin ly hôn, nguyện vọng của anh mong được đoàn tụ, còn chị H vẫn cương quyết thì đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Về con chung: chị H và anh Th có 01 con chung là cháu Phan Văn A, sinh ngày 25/07/2012. Ly hôn, chị H và anh Th đều đề nghị được nuôi dưỡng cháu A đến khi cháu thành niên và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ, công sức chung và các vấn đề khác chị H và anh Th đều không đề nghị tòa án giải quyết.

* Cháu Phan Văn A có nguyện vọng xin được ở với bố.

* Ông Phan Văn Đ trình bày: ông là bố đẻ của anh Th, việc kết hôn, chung sống, mâu thuẫn, con chung của chị H và anh Th như anh chị trình bày, quá trình chung sống do chị H cãi và nói năng không đúng mực với ông nên ông có mắng chị H, dẫn đến chị H bỏ về bố mẹ đẻ sống. Nay chị H xin ly hôn nguyện vọng của ông mong vợ chồng đoàn tụ, còn không được thì ông đề nghị giải quyết theo pháp luật. Hiện nay anh Th sức khỏe yếu nên không lao động gì chỉ ở nhà phụ giúp chăn nuôi cùng gia đình, nếu anh Th được nuôi dưỡng con chung thì ông sẽ giúp đỡ tạo điều kiện cho bố con anh Th về chỗ ở và cuộc sống sinh hoạt. Quá trình chung sống anh Th và chị H không có đóng góp gì về tài sản, công sức hay vay nợ gì với gia đình ông.

* Bà Đặng Thị H1 là mẹ đẻ của chị H trình bày: Việc kết hôn, chung sống, mâu thuẫn và con chung của chị H và anh Th như chị H trình bày. Chị H về sống với gia đình bà từ tháng 5/2023 đến nay, hai vợ chồng không quan tâm gì đến nhau và cũng không thấy anh Th đến đón chị H về. Nay chị H xin ly hôn anh Th, quan điểm của bà đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Nếu Tòa án giao con chung cho chị H thì bà sẽ giúp chị H về chỗ ở và tạo điều kiện cùng chị H chăm sóc con chung.

* Kết quả xác minh tại UBND xã T xác định: việc đăng ký kết hôn của anh Th và chị H được thực hiện theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định.

Tại phiên tòa:

Chị H xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Th không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên cương quyết xin được ly hôn với anh Th và xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên, chị không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con, chị xác định anh Th không đủ điều kiện nuôi con vì hiện không có thu nhập gì.

Cháu Phan Văn A trình bày: Việc bố mẹ chung sống thường cãi, chửi nhau, ông nội cũng hay chửi mẹ của cháu, nếu bố mẹ ly hôn nguyện vọng của cháu là muốn ở với mẹ, trước đây tại Tòa án cháu có trình bày muốn ở với bố là do ông nội ép cháu, bắt cháu phải trình bày như vậy.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán lập hồ sơ vụ án đúng trình tự thủ tục. Việc lấy lời khai của đương sự và thu thập chứng cứ đảm bảo tính khách quan, hợp pháp. Thời hạn chuẩn bị xét xử, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ đến Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu và việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng theo Điều 48; 195; 196; 203; 220 Bộ Luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo các Điều 70; 71; 72 Bộ Luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử (HĐXX) và Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Hôn nhân của anh Th và chị H là hôn nhân là hợp pháp, vợ chồng có mâu thuẫn trong cuộc sống, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, sống ly thân đã lâu, không có trách nhiệm với nhau. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đặng Hồng H. Đề nghị giao cho chị H nuôi dưỡng cháu Phan Văn A đến khi cháu thành niên, anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng có quyền thăm, chăm sóc, giáo dục con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn anh Th mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, HĐXX, xét xử vắng mặt anh Th là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị H khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Y giải quyết ly hôn chị Thao nên quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Th là bị đơn có

HKTT và cư trú tại xã T, huyện Y nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Hồng H và anh Phan Văn T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y theo đúng các trình tự, thủ tục do pháp luật quy định nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Anh Th và chị H đều xác nhận trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng có mâu thuẫn về kinh tế, tính cách và suy nghĩ không hợp nhau, có nhiều cãi vã. Từ tháng 5/2023 đến nay vợ chồng sống ly thân. Anh Th mong muốn vợ chồng tiếp tục chung sống cùng nhau nhưng không đưa ra được biện pháp hàn gắn cũng như cải thiện tình cảm vợ chồng và cũng không đến Tòa án tham gia hòa giải đoàn tụ vợ chồng, chị H cương quyết xin ly hôn, điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh Th đã trầm trọng, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, giải quyết cho chị H được ly hôn với anh Th là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: chị H và anh Th công nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Phan Văn A, sinh ngày 25/7/2012. Hiện cháu đang ở với chị H. Ly hôn chị H và anh Th đều xin được nuôi dưỡng con chung, nguyện vọng này là chính đáng, tuy nhiên hiện nay anh Th sức khỏe yếu, không đi làm được nên không có thu nhập, cuộc sống chủ yếu phụ thuộc vào bố mẹ đẻ. Chị H hiện làm công nhân có mức thu nhập ổn định nên để đảm bảo sinh hoạt, học tập của con khi ly hôn cần giao cháu A cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu thành niên, anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng có quyền thăm, chăm sóc, giáo dục con chung là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình.

[4] Về tài sản chung, công nợ, công sức: đương sự không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: chị Đặng Hồng H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ: khoản 4 Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 8, 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 73 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

2/ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Đặng Hồng H ly hôn với anh Phan Văn T.

3/ Về con chung: Giao cho chị Đặng Hồng H nuôi dưỡng cháu Phan Văn A, sinh ngày 25/07/2012 đến khi cháu thành niên. Anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị H nhưng được quyền thăm, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cấm, cản trở. Chị H là đại diện theo pháp luật của cháu A. Bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người đó. Vì lợi ích của con chung, chị H, anh Th, cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

4/ Về án phí: chị Đặng Hồng H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) án phí sơ thẩm ly hôn. Đối trừ số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) chị H đã nộp tại biên lai số 1404 ngày 26/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, chị H đã nộp xong án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Th vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Thị Nhiên